

Bản tin Phân tích kỹ thuật

28/04/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 gặp trở ngại quanh vùng giá 2.044 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng đóng cửa trên MA20 cho thấy đà tăng vẫn lấn át và xác suất nghiêng về phía tiếp tục kiểm định vùng giá 2.044 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 2.026 điểm, mục tiêu tại 2.044 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.020 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.026 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.044 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.020 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán gia tăng trên diện rộng tại nhóm Dầu khí và DV Tiện ích. Ở chiều ngược lại, lực mua tập trung chủ yếu tại nhóm Bất động sản và Bán lẻ nhưng độ lan tỏa còn hẹp. Với nhóm Ngân hàng, lực cầu chỉ xuất hiện cục bộ ở STB và VIB, trong khi áp lực bán trên phần còn lại vẫn được tiết chế.
- VN-Index tiếp tục dao động trên MA5, cho thấy đà tăng ngắn hạn vẫn được duy trì và xác suất vẫn nghiêng về khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm trong thời gian tới.
- Nhóm Vingroup giữ vai trò dẫn dắt chính trong phiên 28/04, trong khi phần còn lại của thị trường điều chỉnh. Tuy nhiên, khác với phiên 24/04, lực mua giá thấp đã xuất hiện trở lại tại nhóm Bán lẻ và Tiêu dùng, đồng thời áp lực bán tại nhóm Ngân hàng cũng có dấu hiệu hạ nhiệt.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm rằng nhóm Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho đà tăng của VN-Index. Tuy vậy, nhịp tăng ở các nhóm này nhiều khả năng vẫn diễn ra theo hướng chọn lọc. Trên chỉ số, rủi ro vi phạm mốc 1.845 điểm và kéo theo nhịp điều chỉnh về vùng 1.800 điểm hiện đã giảm bớt.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

MWG

- MWG tăng giá sau khi tiếp cận hỗ trợ quanh 83.500, vượt đường MA20 và MA50, xu hướng tăng sẽ tiếp tục.
- Tín hiệu kỹ thuật đang ủng hộ khả năng tiếp cận các vùng giá cao 92.700-96.800. Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa vi phạm 81.500.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
84.300-85.600	92.700-96.800	81.500



Nguồn: Vietcap

SAB

- Phiên tăng 23/04 giúp SAB vượt đường MA20, MA50 và MA200, xác nhận xu hướng tăng với các mục tiêu tiếp theo là 53.600-56.900.
- SAB tiếp tục tăng trong phiên 28/04 thể hiện sự ủng hộ từ hoạt động mua giá cao, thúc đẩy khả năng tiếp tục tăng giá trong thời gian tới.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
47.500-48.200	53.600-56.900	46.000

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



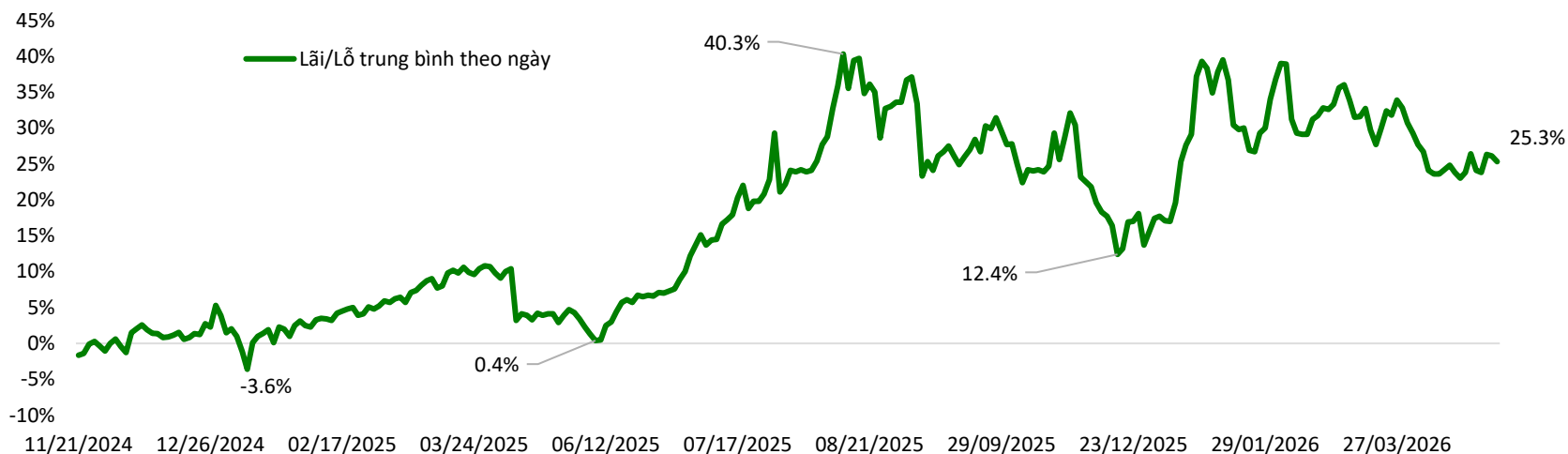
CTG

- CTG điều chỉnh trong hai phiên gần đây (24-28/04) sau phiên tăng mạnh 23/04. Tuy nhiên, hoạt động điều chỉnh đi kèm mức thanh khoản thấp, thể hiện áp lực bán tiết chế.
- Tín hiệu củng cố xác suất tăng giá trong thời gian tới. Khuyến nghị mở trạng thái thăm dò trên CTG với dừng lỗ tại ngưỡng 33.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
34.300-34.800	37.800	33.000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	86,000	78,000	10.3%	75,100	88,000	79,000	
MBB	15/04/2026	28/04/2026	Dừng lỗ	26,000	26,600	-2.3%	26,000	28,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	225,500	6.32%	18.06%	1,737,710	20.620	1,468	11.8	153.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	151,000	6.94%	4.07%	620,219	8.085	10,200	2.6	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	73,500	-6.13%	-7.20%	177,352	-2.042	4,808	2.6	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	23,400	-6.40%	-10.52%	117,171	-1.408	1,041	1.9	22.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	59,800	-1.32%	-0.50%	499,669	-1.239	4,210	2.2	14.2	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
STB	68,100	4.93%	6.07%	128,383	1.189	3,150	2.1	21.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	84,300	3.44%	-1.17%	151,175	0.976	615	4.1	137.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VRE	30,800	6.94%	4.58%	69,987	0.913	3,025	1.4	10.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BID	40,150	-1.47%	-0.99%	292,295	-0.808	4,392	1.6	9.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PLX	36,950	-6.93%	-6.34%	46,948	-0.611	2,106	1.8	17.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	85,600	2.51%	-1.95%	125,697	0.594	4,775	3.9	17.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
TCB	34,600	1.02%	6.13%	245,184	0.471	3,677	1.4	9.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NVL	20,500	5.40%	19.53%	45,807	0.464	884	1.0	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	45,600	-1.51%	-0.87%	136,220	-0.387	3,738	2.8	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SAB	48,500	3.19%	6.59%	62,204	0.373	3,754	2.8	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

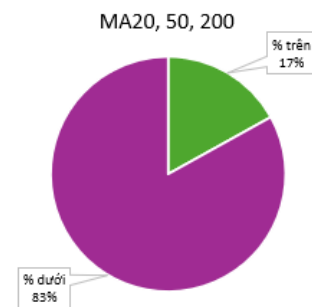
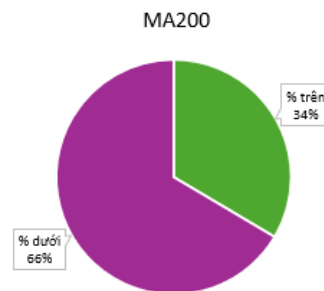
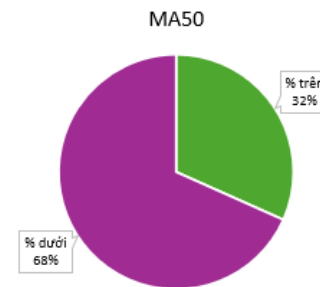
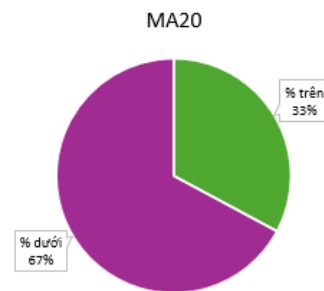
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	91,000	-2.47%	-4.31%	81,881	-1.056	17,930	4.8	5.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	36,200	-4.99%	-5.48%	18,513	-0.483	3,616	1.2	10.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	150,000	-2.72%	-7.12%	30,000	-0.428	9,851	5.9	15.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
NVB	10,700	-1.83%	-2.73%	20,594	-0.198	43	1.5	247.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HUT	16,000	-1.23%	-3.61%	17,093	-0.110	514	1.6	31.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIF	15,500	3.33%	0.00%	5,425	0.095	933	1.1	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	16,700	-1.18%	-7.73%	15,021	-0.093	1,463	1.2	11.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,500	-0.51%	-3.94%	19,518	-0.052	1,795	2.3	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVC	14,500	-8.23%	-13.17%	1,177	-0.051	400	1.2	36.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DHT	71,000	1.43%	-1.39%	6,431	0.048	592	5.9	119.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	90,900	-1.84%	-2.15%	279,181	-0.114	3,056	6.8	30.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	38,300	-5.43%	-17.28%	42,656	-0.051	700	3.4	55.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SJG	23,200	14.85%	14.85%	10,379	0.034	3,774	1.4	6.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSH	68,600	4.73%	-10.91%	25,725	0.027	-1,065	4.7	-64.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	37,800	8.00%	-3.08%	14,239	0.025	588	3.2	60.9	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
MVN	52,800	-1.31%	-2.04%	64,540	-0.019	1,622	4.6	33.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSF	24,600	-6.11%	-7.52%	13,067	-0.018	57	5.7	460.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
F88	166,900	4.31%	4.31%	18,226	0.017	6,543	7.4	25.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAP	27,000	8.00%	1.89%	9,518	0.017	-2,116	2.7	-12.6	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
ACV	44,500	-0.45%	-2.84%	159,070	-0.016	3,019	2.3	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	225,500	6.3%	1159.3	686.5	29,300	214,500	11.8	153.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	151,000	6.9%	1399.4	675.2	57,500	150,300	2.6	14.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	68,100	4.9%	558.3	501.8	38,850	67,800	2.1	21.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	20,500	5.4%	844.4	436.9	10,500	19,450	1.0	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	194,000	1.0%	8.4	7.6	86,539	192,000	3.9	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	14,850	0.7%	6.8	6.7	8,280	14,750	1.3	12.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	41,600	-6.9%	31.7	13.6	44,700	57,619	1.7	23.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	27,650	-0.5%	5.9	9.1	27,800	41,773	2.0	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	12,700	-0.8%	10.0	22.5	12,800	27,314	1.0	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,800	-2.7%	5.4	8.5	22,000	37,100	1.4	65.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
RAL	89,500	0.0%	9.4	0.7	85,100	110,056	0.6	5.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			28/04/2026	24/04/2026	23/04/2026	22/04/2026	21/04/2026	20/04/2026	17/04/2026	16/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	30%	30%	31%	31%	32%	34%	33%	32%
		Dưới	70%	70%	69%	69%	68%	66%	67%	68%
	MA50	Trên	36%	38%	37%	41%	39%	43%	39%	38%
		Dưới	64%	62%	63%	59%	61%	57%	61%	62%
	MA20	Trên	37%	42%	41%	46%	47%	58%	58%	56%
		Dưới	63%	58%	59%	54%	53%	42%	42%	44%
VN30	MA200	Trên	37%	40%	53%	43%	43%	50%	43%	40%
		Dưới	63%	60%	47%	57%	57%	50%	57%	60%
	MA50	Trên	50%	47%	57%	53%	53%	57%	50%	43%
		Dưới	50%	53%	43%	47%	47%	43%	50%	57%
	MA20	Trên	57%	60%	73%	80%	83%	87%	90%	83%
		Dưới	43%	40%	27%	20%	17%	13%	10%	17%
HNX	MA200	Trên	33%	34%	33%	37%	38%	38%	37%	37%
		Dưới	67%	66%	67%	63%	62%	62%	63%	63%
	MA50	Trên	35%	37%	37%	39%	37%	40%	38%	38%
		Dưới	65%	63%	63%	61%	63%	60%	62%	62%
	MA20	Trên	33%	34%	33%	37%	38%	38%	37%	37%
		Dưới	67%	66%	67%	63%	62%	62%	63%	63%
UPCOM	MA200	Trên	29%	30%	30%	31%	32%	32%	33%	33%
		Dưới	71%	70%	70%	69%	68%	68%	67%	67%
	MA50	Trên	29%	31%	32%	33%	31%	31%	32%	32%
		Dưới	71%	69%	68%	67%	69%	69%	68%	68%
	MA20	Trên	35%	36%	36%	36%	36%	36%	36%	37%
		Dưới	65%	64%	64%	64%	64%	64%	64%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4																		Tháng 3	
		28 +	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31
1	Bất động sản	60	64	62	64	64	66	67	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47
2	Xây dựng và Vật liệu	57	62	59	61	60	61	59	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52
3	Tài nguyên Cơ bản	56	58	58	63	62	64	58	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50
4	Thực phẩm và đồ uống...	55	58	58	57	57	56	53	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38
5	Ngân hàng	54	59	59	57	57	55	53	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37
6	Ô tô và phụ tùng	49	52	51	54	55	53	50	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50
7	Bán lẻ	48	55	58	64	63	63	59	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54
8	Hàng & Dịch vụ Côn...	47	51	51	51	48	45	45	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43
9	Du lịch và Giải trí	47	50	56	58	61	57	57	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34
10	Hóa chất	42	46	46	49	47	45	40	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38
11	Hàng cá nhân & Gia ...	41	47	50	54	52	51	49	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43
12	Dịch vụ tài chính	36	42	44	47	48	51	51	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34
13	Dầu khí	33	36	36	38	38	37	38	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48
14	Điện, nước & xăng d...	32	34	37	41	43	48	49	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59
15	Bảo hiểm	20	25	22	25	27	32	33	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57
16	Công nghệ Thông tin	16	26	26	27	24	24	20	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	225,500	6.3%	18.1%	1,737,710	11.8	153.6	1,468	1,159.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	151,000	6.9%	4.1%	620,219	2.6	14.8	10,200	1,399.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	68,100	4.9%	6.1%	128,383	2.1	21.6	3,150	558.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	85,600	2.5%	-1.9%	125,697	3.9	17.9	4,775	457.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SAB	48,500	3.2%	6.6%	62,204	2.8	12.9	3,754	74.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
NVL	20,500	5.4%	19.5%	45,807	1.0	23.2	884	844.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,000	1.4%	0.0%	20,818	1.2	5.8	2,573	10.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	61,000	2.0%	0.3%	19,523	3.7	50.0	1,221	298.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	166,900	4.3%	4.3%	18,226	7.4	25.3	6,543	21.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTD	86,000	-1.4%	3.6%	9,617	1.0	11.4	7,565	78.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TOS	194,000	1.0%	3.2%	8,711	3.9	8.6	22,600	8.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	7,200	1.4%	9.1%	7,870	7.5	-8.0	-890	64.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPG	44,550	0.7%	3.8%	5,283	2.4	14.2	3,129	33.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
MSH	37,900	0.3%	0.0%	4,265	2.2	7.0	5,456	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIW	39,400	-12.1%	27.5%	2,469	4.0	160.5	265	13.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	17,700	-1.7%	13.1%	1,836	0.9	7.9	2,253	43.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	13,900	1.5%	6.9%	1,030	1.5	6.6	2,150	17.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NRC	6,700	-1.5%	0.0%	620	0.6	70.4	95	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	14,850	0.7%	8.4%	465	1.3	12.4	1,198	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	62,000	-0.6%	-1.1%	13,916	1.5	9.8	6,319	98.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	41,600	-6.9%	-13.5%	12,056	1.7	23.1	1,803	31.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,900	-6.9%	-21.4%	8,596	1.3	8.3	2,532	29.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACB	23,500	0.4%	-1.9%	120,711	1.2	7.4	3,167	169.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	14,450	-2.0%	-5.6%	73,017	1.1	5.6	2,585	750.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPX	27,500	-0.4%	-4.0%	51,563	1.5	12.2	2,263	13.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,650	0.0%	-1.2%	47,369	1.2	8.6	1,938	23.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,850	-2.2%	-3.1%	40,700	1.6	35.8	610	221.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VIX	16,350	-1.5%	-6.0%	40,062	1.9	4.9	3,331	265.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	12,650	-1.2%	-3.8%	38,808	1.1	14.9	849	88.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
REE	60,000	-3.7%	-8.1%	32,499	1.6	12.9	4,669	112.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCI	26,250	-2.8%	-4.2%	30,125	1.7	20.0	1,314	128.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
OCB	11,250	-1.7%	-4.3%	29,959	0.9	7.0	1,604	12.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	25,400	-0.8%	-2.3%	28,504	1.5	27.1	936	43.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,050	-0.9%	-3.9%	24,433	1.1	11.2	1,435	81.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,500	-0.5%	-3.9%	19,518	2.3	10.9	1,795	37.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,000	-1.9%	-7.0%	19,279	2.2	14.9	2,896	14.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,000	-1.2%	-3.6%	17,093	1.6	31.1	514	15.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SHS	16,700	-1.2%	-7.7%	15,021	1.2	11.4	1,463	66.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,550	-0.4%	-3.5%	13,364	1.1	15.3	1,805	28.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	68,800	-0.9%	-2.8%	11,898	6.7	21.2	3,243	21.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,250	-3.99%	-7.02%	25,500	84.8%	357	1.1	37.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DGC	52,300	-1.88%	-1.51%	91,200	71.1%	7,965	1.3	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	25,400	-0.78%	-2.31%	43,700	70.7%	936	1.5	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,550	-0.36%	-3.50%	45,800	65.6%	1,805	1.1	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,400	1.36%	-3.25%	116,600	58.9%	5,691	3.3	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	15,100	0.33%	-2.89%	23,100	53.5%	1,708	0.8	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	27,200	-1.81%	-6.21%	42,400	53.1%	1,309	1.5	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	36,200	-4.99%	-5.48%	58,100	52.5%	3,616	1.2	10.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,650	-0.18%	-4.49%	40,800	47.3%	2,153	1.7	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,000	-1.94%	-7.03%	64,100	46.2%	2,896	2.2	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,800	-2.68%	-6.84%	31,900	42.4%	334	1.4	65.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,000	-0.92%	-3.74%	38,000	39.4%	3,314	1.2	8.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	40,350	-3.12%	-10.33%	57,600	38.3%	4,413	1.9	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TV2	34,800	-1.83%	-3.73%	49,000	38.2%	1,971	1.8	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	33,800	1.81%	-0.59%	45,800	38.0%	3,521	1.2	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,500	0.43%	-1.88%	32,000	36.8%	3,167	1.2	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	25,550	-3.95%	-9.72%	36,200	36.1%	2,082	1.4	12.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	42,800	-0.93%	-2.62%	58,700	35.9%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PC1	20,900	-6.90%	-21.43%	30,500	35.9%	2,532	1.3	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GEX	39,000	-2.01%	-4.76%	54,000	35.7%	1,638	2.0	23.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn